

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hòa.
- Bà Vũ Thị T Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Tiến Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn:

1. Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank).

Địa chỉ: Số 89 L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G; Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý tích hợp 2.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Hữu N; Chuyên viên xử lý nợ, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ J.

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà C, số 219 phố T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Đinh Công T; Chuyên viên xử lý nợ, (có mặt).

Bị đơn: Ông Kiều Quang T, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978 (là vợ ông T).

Đều có nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Số 2, Ngõ 24 đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ, (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn (Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ J), trình bày:

Ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S và Ngân hàng TMCP Việt Nam T(gọi tắt là VPBank) đã xác lập, các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay/Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Theo Hợp đồng cho vay số: LN2205125750644 ký ngày 09/06/2022 và Khế ước nhận nợ kèm theo, Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S vay vốn tại VPBank số tiền 15.300.000.000 đồng; Thời hạn vay: 300 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay mua nhà tại thửa đất số 142 TBĐ số 4 (đo đạc năm 2004) địa chỉ Khu phố Lê Duẩn, phường 6, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên (cũ), Lãi suất thời điểm cho vay 9,39%/năm, điều chỉnh theo biên độ 3%.

2. Hợp đồng tín dụng thứ hai: Theo Hợp đồng cho vay số: LN2308029888702 ký ngày 09/08/2023 và Khế ước nhận nợ kèm theo, Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S vay vốn tại VPBank số tiền 3,000,000,000đồng; Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm đồ gia dụng. Lãi suất thời điểm cho vay 12%/năm, điều chỉnh theo biên độ 3%.

Đồng thời tại các hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất quá hạn, nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi, hậu quả pháp lý của việc vi phạm hợp đồng tín dụng đã được xác lập giữa VPBank với ông T, bà S.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T và bà S đã thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 223,15m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 4, thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM542382, Số vào sổ cấp GCN: CT04398 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Phú Yên (cũ) cấp ngày 13/09/2019. Ngày

02/06/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Phú Yên- Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ) xác nhận chuyển nhượng cho Ông Kiều Quang T. Tài sản được thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1463, quyền số: 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/06/2022, được lập tại Văn phòng Công chứng Trần Đăng Ngọc Hoài, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ). Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số: 11/2024/VPB – J ngày 30/10/2024 và Phụ lục đính kèm giữa VPBank với Công ty Cổ Phần MBN J thì VPBank đồng ý bán và Công ty Cổ Phần MBN J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S, với nội dung cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay số: LN2205125750644 và Hợp đồng cho vay số: LN2308029888702 nêu trên. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty J kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của VPBank phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, VPBank tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty J.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. VPBank và Công ty Cổ phần mua bán nợ J đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S thực hiện nghĩa vụ T toán khoản vay cho VPBank/Công ty J tuy nhiên Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 24/9/2025, ông T, bà S còn nợ Công ty Cổ phần mua bán nợ J và Ngân hàng Vpbank tổng số tiền: 21.295.966.364đ (nợ gốc: 17.347.499.708đ; nợ lãi trong hạn: 3.585.400.212đ; lãi quá hạn: 255.238.526đ; Lãi chậm trả 17.827.917đ)

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty Cổ phần mua bán nợ J, yêu cầu;

+ Buộc ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) số tiền 2.129.596.636đ (*Hai tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, lăm trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*). Trong đó nợ gốc: là 1.743.749.971 đồng; Nợ lãi trong hạn là 358.540.021 đồng; Nợ lãi quá hạn là 25.523.853đồng; Lãi chậm trả lãi 1.782.792 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/9/2025).

+ Buộc ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J số tiền 19.166.369.727đ (*Mười chín tỷ, một trăm*

sáu mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 15.693.749.737 đồng; Nợ lãi trong hạn là 3.226.860.191 đồng; Nợ lãi quá hạn là 229.714.674 đồng; Lãi chậm trả lãi 16.045.126 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/9/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025), ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S còn phải chịu lãi suất trên từng hợp đồng tín dụng cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J và Ngân hàng Vpbank, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2205125750644 ngày 09/6/2022 với mức lãi suất 17,10%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2308029888702 ngày 09/8/2023 với mức lãi suất 15,75%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Đồng thời T, bà S còn phải chịu số tiền lãi chậm trả lãi 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện được việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Cổ phần mua bán nợ J có quyền yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2205125750644 ngày 08/6/2022. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất diện tích 232,15m² tại 142, tờ bản đồ số 4, thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, công trình xây dựng, vật kiên cố trên đất.

Trường hợp sau khi kê biên phát mại tài sản mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J thì ông T và bà S tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J cho đến khi T toán xong nghĩa vụ trả nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng), ông Phan Hữu Nghĩa vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, ông Nghĩa trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn (Công ty Cổ phần mua bán nợ J) về việc VPBank đã xác lập 02 hợp đồng tín dụng đối với ông T, bà S, việc thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay của ông T, bà S và việc VPBank đã bán 90% khoản nợ của ông T, bà S cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J là đúng sự thật. Do ông T, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VPBank và Công ty Cổ phần mua bán nợ J (gọi tắt là J) đã cùng nhau khởi kiện yêu cầu ông T, bà S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ông T và bà S cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn và cũng không gửi hay giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Đại diện nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 280, 325, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Các Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP – TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty Cổ phần mua bán nợ J.

+ Buộc ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank) số tiền 2.129.596.636đ (*Hai tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, lăm trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*). Trong đó nợ gốc: là 1.743.749.971 đồng; Nợ lãi trong hạn là 358.540.021 đồng; Nợ lãi quá hạn là 25.523.853đồng; Lãi chậm trả lãi 1.782.792 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/9/2025).

+ Buộc ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J số tiền 19.166.369.727đ (*Mười chín tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng*). Trong đó nợ gốc là 15.693.749.737 đồng; Nợ lãi trong hạn là 3.226.860.191 đồng; Nợ lãi quá hạn là 229.714.674đồng; Lãi chậm trả lãi 16.045.126 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/9/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025), ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S còn phải chịu lãi suất trên từng hợp đồng tín dụng cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J và Ngân hàng Vpbank, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2205125750644 ngày 09/6/2022 với mức lãi suất 17,10%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

+ Hợp đồng tín dụng số: LN2308029888702 ngày 09/8/2023 với mức lãi suất 15,75%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Đồng thời T, bà S còn phải chịu số tiền lãi chậm trả lãi 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện được việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Cổ phần mua bán nợ J có quyền yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2205125750644 ngày 08/6/2022. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất diện tích 232,15m² tại 142, tờ bản đồ số 4, thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, công trình xây dựng, vật kiên cố trên đất.

Trường hợp sau khi kê biên phát mại tài sản mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J thì ông T và bà S tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J cho đến khi T toán xong nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Do Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J không yêu cầu giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần mua bán nợ J (bên nhận chuyển nhượng một phần khoản nợ) và Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín

dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án T và bà S đều có nơi đăng ký cư trú tại: Thôn Thủ Độ, xã Vĩnh Phú, tỉnh Phú Thọ. Ông T và bà S có chỗ ở tại Số 2, Ngõ 24 đường Nguyễn Tất Thành, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T, bà S đều không có ý kiến gì về thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ (cho rằng không thuộc thẩm quyền). Vì vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà S.

[2]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S xác lập hợp đồng tín dụng trong đó Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Công ty Cổ phần mua bán nợ J đều là tổ chức tín dụng. Do vậy các quy định pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án này là Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung:

3.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) với vợ chồng ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S đã xác lập 02 hợp đồng tín dụng (đã thể hiện tại phần trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T và Công ty Cổ phần mua bán nợ J). Quá trình giải quyết vụ án, ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S đã được tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng đều không có ý kiến gì, không đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng tín dụng bị vô hiệu một phần hay toàn bộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các hợp đồng tín dụng đã được xác lập giữa VPBank với ông T, bà S để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, Ngân hàng VPBank và ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S giao kết các hợp đồng tín dụng nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật tín dụng, không vi phạm đạo đức xã hội nên giảng buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Quá

trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật; được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về chuyển nhượng khoản nợ: Theo Hợp đồng mua bán nợ số: 11/2024/VPB – J ngày 30/10/2024 và Phụ lục đính kèm giữa VPBank với Công ty Cổ Phần mua bán nợ J thì VPBank đồng ý bán và Công ty Cổ Phần MBN J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S, với nội dung cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay số: LN2205125750644 và Hợp đồng cho vay số: LN2308029888702 nêu trên, bao gồm cả quyền khởi kiện tại Tòa án và quyền xử lý tài sản bảo đảm. Việc chuyển nhượng khoản nợ giữa VPBank với Công ty Cổ Phần MBN J là hợp pháp, đúng quy định tại các Điều 365, 366, 388 và 450 Bộ luật Dân sự 2015. Bản thân ông T và bà S đã được Ngân hàng thông báo và đều đồng ý, không có ý kiến gì. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty J là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính đến ngày 24/9/2025, ông T, bà S còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ Phần mua bán nợ J tổng số tiền 21.295.966.364 đồng. Trong đó theo Hợp đồng tín dụng số: LN2205125750644 là 17.920.717.519 đồng, trong đó tiền gốc là 14.662.499.798 đồng, tiền lãi trong hạn 3.098.045.589 đồng, tiền lãi quá hạn 145.836.271 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 14.335.951 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số: LN2308029888702 là 3.375.248.845 đồng, trong đó tiền gốc là 2.775.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 487.354.623 đồng, tiền lãi quá hạn 109.402.256 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 3.491.966 đồng.

Khoản nợ ông T, bà S có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank), được xác định cụ thể:

+1. Đối với Hợp đồng tín dụng số: LN2205125750644 là 1.792.071.752 đồng, trong đó tiền gốc là 1.466.249.971 đồng, tiền lãi trong hạn 309.804.559 đồng, tiền lãi quá hạn 14.538.627.06 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 1.433.595 đồng.

+ 2. Đối với Hợp đồng tín dụng số: LN2308029888702 là 337.524.884 đồng, trong đó tiền gốc là 277.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn 48.735.462.33 đồng, tiền lãi quá hạn 10.940.225.57 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 349.196.58 đồng.

Khoản nợ ông T, bà S có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J, được xác định cụ thể:

+ 1. Đối với Hợp đồng tín dụng số: LN2205125750644 là 16.128.645.767 đồng, trong đó tiền gốc là 13.196.249.737 đồng, tiền lãi trong hạn 2.788.241.644 đồng, tiền lãi quá hạn 131.252.644 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 12.902.356 đồng.

+2. Đối với Hợp đồng tín dụng số: LN2308029888702 là 3.037.723.960 đồng, trong đó trong đó tiền gốc là 2.497.500.000 đồng, tiền lãi trọng hạn 438.619.160.96 đồng, tiền lãi quá hạn 98.462.030 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 3.142.769.26 đồng.

Đối với mức lãi suất Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J đề nghị Tòa án buộc ông T, bà S phải chịu cho từng hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự trong các hợp đồng tín dụng; phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Đối với tài sản bảo đảm: Ngày 08/6/2022 ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S và Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) đã xác lập Hợp đồng thế chấp số: LN2205125750644, tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 223,15m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 4, thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM542382, Sổ vào sổ cấp GCN: CT04398 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Phú Yên (cũ) cấp ngày 13/09/2019. Ngày 02/06/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Phú Yên - Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ) xác nhận chuyển nhượng cho Ông Kiều Quang T. Tài sản được thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1463, quyền số: 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/06/2022, được lập tại Văn phòng Công chứng Trần Đăng Ngọc Hoài, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ). Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà S đều không có ý kiến gì về tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp, không đề nghị Tòa án hợp đồng thế chấp bị vô hiệu một phần hay toàn bộ. Vì vậy, hợp đồng thế chấp được xác lập ngày 06/6/2022 giữa VPBank với ông T, bà S là có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng thế chấp đã được xác lập giữa các đương sự để xem xét, giải quyết yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPBank và Công ty Cổ phần mua bán nợ J theo quy định pháp luật.

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắc Lắc (theo quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ), quyền sử dụng đất có diện tích 232,9m² (lớn hơn diện tích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9,75m²). Trên đất có 01 phần tường hầm (xây dở dang). Quyền sử dụng đất thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (cũ). Nay là Khu phố Lê Duẩn, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắc Lắc. Nguyên đơn VPBank và Công ty Cổ phần mua bán nợ J chỉ đề nghị được kê biên, phát mại theo diện tích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (223,15m²).

Xét thấy ý kiến Ngân hàng VPBank và Công ty Cổ phần mua bán nợ J là không trái pháp luật; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J không yêu cầu giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 280, 325, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Các Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP – TANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J. Buộc ông Kiều Quang T, bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng Vpbank và Công ty Cổ phần mua bán nợ J tổng số tiền: 21.295.966.364 đồng (nợ gốc: 17.347.499.708 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.585.400.212 đ; lãi quá hạn: 255.238.526 đồng; Lãi chậm trả 17.827.917 đồng), cụ thể:

1.1. Buộc ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) số tiền 2.129.596.636 (*Hai tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, lăm trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.743.749.971 đồng; Nợ lãi trong hạn là 358.540.021 đồng; Nợ lãi quá hạn là 25.523.853 đồng; Lãi chậm trả 1.782.792 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/9/2025).

1.2. Buộc ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J số tiền 19.166.369.727đ (*Mười chín tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi bảy*

đồng). Trong đó nợ gốc là 15.693.749.737 đồng; Nợ lãi trong hạn là 3.226.860.191 đồng; Nợ lãi quá hạn là 229.714.674đồng; Lãi chậm trả lãi 16.045.126 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24/9/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025), ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S còn phải chịu lãi suất cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể:

- + Hợp đồng tín dụng số: LN2205125750644 ngày 09/6/2022 với mức lãi suất 17,10%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

- + Hợp đồng tín dụng số: LN2308029888702 ngày 09/8/2023 với mức lãi suất 15,75%/năm trên số dư nợ gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

Đồng thời T, bà S còn phải chịu số tiền lãi chậm trả lãi 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S không thực hiện được việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Cổ phần mua bán nợ J có quyền yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: LN2205125750644 ngày 08/6/2022. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng thửa đất diện tích 223,15 m² tại thửa 142, tờ bản đồ số 4, thuộc Khu phố Lê Duẩn, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk, công trình xây dựng, vật kiên cố trên đất (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

Trường hợp sau khi kê biên phát mại tài sản mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J thì ông T và bà S tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) và Công ty Cổ phần mua bán nợ J cho đến khi T toán xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Ông Kiều Quang T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 129.295.966 đồng (làm tròn 129.295.966 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần mua bán nợ J số tiền tạm ứng án phí đã nộp 62.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005492 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ). Nay là Phòng Thi hành án dân sự 10 - tỉnh Phú Thọ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T(VPBank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005492 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ). Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- LuruHSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang